

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-PT

Ngày 14/9/2017

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Anh Việt - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 779/QĐPT- HNGĐ ngày 07/09/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T

HKĐKTT: Tổ dân phố Q, thị trấn L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Viết V

HKĐKTT: Tổ dân phố Q, thị trấn L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Viết V- Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày: Chị và Anh Trần Viết V tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký tại ủy ban nhân dân thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/10/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà chồng khoảng 01 năm thì làm nhà ở riêng trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có lúc cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2015 là do anh V hay cờ bạc, chị đã nhiều lần can ngăn nhưng anh V không chịu thay đổi nên từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên chị T có yêu cầu ly hôn với anh V để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Bị đơn anh Trần Viết V trình bày: Theo anh vợ chồng chung sống với nhau từ khi kết hôn đến nay cơ bản là hạnh phúc, anh thừa nhận thời gian gần đây do anh có ham chơi cờ bạc nên vợ chồng có cãi vã dẫn đến chị T làm đơn ly hôn. Hiện nay anh thấy việc ăn chơi cờ bạc là sai, ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc gia đình, anh hứa sẽ khắc phục nhằm để vợ chồng hòa thuận nuôi dạy các con khôn lớn. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Các bên thừa nhận vợ chồng có hai con chung Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001 và Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đây cũng là nguyện vọng của hai con, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng vì chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Về phía anh V cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con nhưng nếu các con tự nguyện ở với mẹ thì anh tôn trọng ý kiến của các con.

Về tài sản chung: Chị T, anh V thống nhất có các tài sản chung và giá trị như sau:

Một nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 100m² + mái hiên + công trình phụ và giếng nước có giá trị 150.000.000 đồng;

Một bộ bàn ghế sofa gỗ trị giá: 6.000.000 đồng;

Một tủ gỗ hai buồng trị giá: 2.000.000 đồng;

Một tivi trị giá: 1.000.000 đồng;

Hai cái giường (mỗi cái 500.000 đồng) trị giá: 1.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 160.000.000 đồng.

Tại bản án số 20/20117 HNGĐ- ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử: Về quan hệ hôn nhân, áp dụng khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân gia đình, xử: Cho chị Đặng Thị T và anh Trần Viết V được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị Đặng Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001 và Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Áp dụng Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cho chị Đặng Thị T được sở hữu các tài sản sau:

+ Một nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 100m² + mái hiên+ công trình phụ và giếng nước làm trên diện tích đất 1515 m² tại thửa số 31, tờ bản đồ số 10, đứng tên Đặng Thị T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền quản lý theo địa giới hành chính xã Ngân Thủy trị giá: 150.000.000 đồng (không tính đất);

+ Một bộ bàn ghế sofa gỗ trị giá: 6.000.000 đồng;

Một tủ gỗ hai buồng trị giá: 2.000.000 đồng;

Một tivi trị giá: 1.000.000 đồng;

Hai cái giường (mỗi cái 500.000 đồng) trị giá: 1.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 160.000.000 đồng.

Chị T phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho anh V 80.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, và tuyên quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngày 24/7/2017, anh Trần Viết V làm đơn kháng cáo với nội dung sau:

Về con chung: Sau khi ly hôn anh xin được nuôi hai con chung Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001 và Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008.

Về tài sản chung: Anh xin được sở hữu nhà và tài sản chung và giao tiền chênh lệch cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Trần Viết V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ con chung và tài sản chung.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn anh Trần Viết V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về con chung: Xét kháng cáo của anh Trần Viết V về việc xin được nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh Trần Viết V và chị Đặng Thị T có hai con chung là Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001 và Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008. Sau khi ly hôn các bên đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng các con, xét nguyện vọng nuôi con của hai bên là chính đáng đã thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn, nhưng để giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét đến điều kiện hoàn cảnh thực tế mỗi bên để giao cho phù hợp, ngoài việc xem xét khả năng và điều kiện để giao con thì cũng xem xét đến nguyện vọng của các con trên 7 tuổi mà Luật hôn nhân và gia đình đã quy định. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án các cháu Trần Thị Thu H và Trần Viết H có đơn trình bày nguyện vọng là được ở với mẹ, nhưng để đảm bảo sinh hoạt và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con trong điều kiện hiện nay của anh V và của chị T đều cho thấy các bên có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc các con, do đó cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của anh Trần Viết V, giao cháu Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008 cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

[2]. Về tài sản chung: Xét kháng cáo của anh Trần Viết V xin được sở hữu toàn bộ tài sản chung và bù tiền chênh lệch cho chị T, theo nội dung này, Hội đồng xét xử

thấy: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh Trần Viết V và chị Đặng Thị T đã tạo lập nên khối tài sản chung được hai bên thừa nhận gồm:

Một nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 100m² + mái hiên+ công trình phụ và giếng nước làm trên diện tích đất 1515 m² tại thửa số 31, tờ bản đồ số 10, đứng tên Đặng Thị T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá: 150.000.000 đồng (không tính đất);

+ Một bộ bàn ghế sofa gỗ trị giá: 6.000.000 đồng;

Một tủ gỗ hai buồng trị giá: 2.000.000 đồng;

Một tivi trị giá: 1.000.000 đồng;

Hai cái giường (mỗi cái 500.000 đồng) trị giá: 1.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 160.000.000 đồng.

Về diện tích đất trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không đề nghị định giá đất và cho rằng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy chị T là người được có tên trong hồ sơ kỹ thuật và trích lục bản đồ, nhưng các bên không đề nghị chia đôi diện tích đất và có đề nghị ai là người được sử dụng diện tích đất và ngôi nhà làm trên thửa đất đó phải có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho bên kia. Tại phiên toà anh V cũng bảo lưu ý kiến không đề nghị xem xét chia diện tích đất như trong trích lục bản đồ mà chỉ giữ nguyên yêu cầu như trong đơn kháng cáo là được sử dụng toàn bộ đất và được sở hữu ngôi nhà cấp bốn làm trên diện tích đất 1515m², xét thấy diện tích đất theo trong trích lục bản đồ mang tên chị Đặng Thị T với diện tích như đã nêu trên, nhưng các bên đương sự không đề nghị xem xét chia diện tích đất, nên hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét thấy, sau khi ly hôn, chị T là phụ nữ khả năng để tạo dựng nơi ăn ở mới rất khó khăn, còn anh V là đàn ông sẽ tạo dựng nơi ăn ở mới tốt hơn chị T, do đó án sơ thẩm đã xử giao nhà và toàn bộ diện tích đất cho chị T và buộc chị T bù tiền chênh lệch tài sản cho anh V là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn, để sửa án sơ thẩm về quan hệ con chung, y án sơ thẩm về quan hệ tài sản.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Anh Trần Viết V kháng cáo được Tòa phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Trần Viết V, để sửa án sơ thẩm về quan hệ con cái; y án sơ thẩm về quan hệ tài sản.

1. Về quan hệ con chung: Xử, giao cho chị Đặng Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thị Thu H, sinh ngày 16/8/2001.

Giao cho anh Trần Viết V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Viết H, sinh ngày 11/4/2008.

Không ai được cản trở thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, anh V, chị T đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

2. Về quan hệ tài sản: Y án sơ thẩm, giao cho chị Đặng Thị T được sở hữu các tài sản sau:

+ Một nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 100m² + mái hiên + công trình phụ và giếng nước làm trên diện tích đất 1515 m² tại thửa số 31, tờ bản đồ số 10, đứng tên Đặng Thị T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền quản lý theo địa giới hành chính xã Ngân Thủy trị giá: 150.000.000 đồng (không tính đất);

+ Một bộ bàn ghế sofa gỗ trị giá: 6.000.000 đồng;

Một tủ gỗ hai buồng trị giá: 2.000.000 đồng;

Một tivi trị giá: 1.000.000 đồng;

Hai cái giường (mỗi cái 500.000 đồng) trị giá: 1.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 160.000.000 đồng.

Chị T phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho anh V 80.000.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Trần Viết V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001552 ngày 25/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P9);
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Võ Thị Kim Nhung